TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2019/DS-PT
Ngày: 19 - 8 - 2019
"V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng QSD đất, QSD đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương;

Ông Nguyễn Tấn Tặng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Trung Quốc – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2019/TLPT-DS ngày 15/3/2019 về Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng QSD đất và QSĐ đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 181/2019/QĐ-PT ngày 02/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Công K, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khóm 4, TT. Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K là: Luật sư Võ Phát Trí – Văn phòng Luật sư Đức Trí, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Lý Minh C, sinh năm 1945 (Chết);

Địa chỉ: Khóm 4, TT. Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C*:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1947 (Vợ ông C);

Địa chỉ: Khóm 4, TT. Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Lý Văn T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ 10, Khóm 1, Phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lý Thị Mỹ T1, sinh năm 1971(Con ông C);

4. Lý Thanh P, sinh năm 1976 (Con ông C);

5. Lý Văn H, sinh năm 1980 (Con ông C);

6. Lý Thị Tuyết H1, sinh năm 1985 (Con ông C);

7. Lý Văn T2, sinh năm 1985 (Con ông C);

Cùng địa chỉ: Khóm 4, TT. Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Trương Thị B, sinh năm 1956 (Vợ ông K);

2. Trần Công T3, sinh năm 1983 (Con ông K);

3. Nguyễn Thị Mai T4, sinh năm 1986 (Con dâu ông K);

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, anh T3 và chị T4 là: Ông Trần Công K, sinh năm 1957 (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2015).

4. Trần Văn Đ (Nh), sinh năm 1982 (Con ông K);

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

5. Trần Thị N1, sinh năm 1978 (Con ông K);

Địa chỉ: Ấp Mỹ Chánh 4, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, Tiền Giang;

6. Trần Thanh P1, sinh năm 1986 (Con ông K);

Địa chỉ: Ấp 6, Kinh Hội, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

7. Nguyễn Thị N, sinh năm 1947 (Vợ ông C);

Địa chỉ: Khóm 4, TT. Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nết là: Anh Lê Văn L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Bình Hòa A, xã Bình Trưng, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/11/2012).

8. Lý Văn T, sinh năm 1975 (Con ông C);

Địa chỉ: Tổ 10, Khóm 1, Phường 11, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T là: Anh Lý Văn H, sinh năm 1980 (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/6/2019).

9. Lý Văn T2, sinh năm 1985 (Con ông C);

10. Lý Thị Mỹ T1, sinh năm 1971 (Con ông C);

11. Lý Thanh P, sinh năm 1976 (Con ông C);

12. Lý Văn H, sinh năm 1980 (Con ông C);

13. Lý Thị Tuyết H1, sinh năm 1985 (Con ông C);

Cùng địa chỉ: Khóm 4, TT. Mỹ An, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoa, chị Tiên, anh Phong là: Anh Lý Văn Hết, sinh năm 1980 (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2012).

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị N, chị Lý Thị Thủy T, anh Lý Thanh P, anh Lý Văn H, anh Lý Văn T1, chị Lý Thị Tuyết H1 và anh Lý Văn T2 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Lý Minh C và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(*Có mặt ông Trần Công K, anh Lê Văn L, anh Trần Văn Đ, chị Trần Thị N, chị Trần Thanh P1, anh Lý Văn T2 và anh Lý Văn H*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Công K trình bày:

Vào ngày 30/7/1993, ông có chuyển nhượng của ông Lý Minh C phân nửa nền nhà diện tích 32m^2, nền số 25, thuộc lô K, tại thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười với giá 5.000.000đ. Ông C có làm cho ông "Tờ nhượng lại phân nửa nền nhà" ngày 30/7/1993. Ông có trả tiền hai lần cho ông C: Lần thứ nhất 3.000.000đ, lần thứ hai 2.000.000đ không có làm giấy tờ. Đến tháng 10/1997, ông cất nhà ở diện tích ngang 4m, dài 8m, nhà làm bằng gỗ tạp, vách lá, lợp tole cho tới nay. Ông có yêu cầu ông C làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông theo thỏa thuận, nhưng ông C cho rằng "Tờ nhượng lại phân nửa nền nhà" ngày 30/7/1993 là giấy giả, nên không đồng ý.

Do ông C đã chết nên ông yêu cầu những người thừa kế của ông C gồm: Bà Nguyễn Thị N, chị Lý Thị Mỹ T, anh Lý Thanh P, anh Lý Văn H, chị Lý

Thị Tuyết H1, anh Lý Văn T1 và anh Lý Văn T2, thực hiện theo "Tờ nhượng lại phân nửa nền nhà" ngày 30/7/1993, diện tích 32m^2, thuộc thửa 525, tờ bản đồ số 02, loại đất thổ, tại Khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện T.

- Bị đơn ông Lý Minh C trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp ông mua của Nhà nước vào ngày 22/5/1993, có biên lai mua bán. Đến ngày 15/12/1997 thì ông được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Ngày 08/5/2002, ông có nhờ địa chính định vị đất để gia đình xây dựng nhà nhưng bị phía ông K tranh chấp nên không định vị được. Đến ngày 17/7/2011, Ban bảo vệ khu phố mời ông đến giải quyết việc ông Khanh tranh chấp đất với ông. Ông K có đưa ra "Tờ nhượng lại phân nửa nền nhà" ngày 30/7/1993 viết tay với nội dung là ông có chia cho ông K phân nửa nền nhà phía sau. Ông không hề lập và ký tên bất cứ tờ hợp đồng nào với nội dung mua bán đất với ông K. Tờ hợp đồng đó ông không biết. Đất ông mua của Nhà nước theo Quyết định giao nền nhà số 122/QĐ-UB ngày 17/8/1995 thì không thể nào ông làm hợp đồng bán đất cho ông K vào ngày 30/7/1993. Hàng năm ông đều có làm nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Vì vậy, ông không đồng ý theo yêu cầu của ông K. Ông yêu cầu ông K phải di dời căn nhà tạm của ông K ra khỏi phần đất của ông.

Ngày 27/10/2012 ông Lý Minh C chết, bà Nguyễn Thị N là vợ ông C và các con của ông C không đồng ý thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo yêu cầu của ông K. Đồng thời, yêu cầu ông K, bà B, anh Đ, chị T di dời toàn bộ ngôi nhà ngang 4m, dài 8m, diện tích 32m^2 trên thửa đất số 252, tờ bản đồ số 2, diện tích 64m^2, loại đất thổ, tại Khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 317031 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 15/12/1997 để trả lại diện tích đất cho gia đình bà theo hiện trạng trước đây.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Các con ông K là anh Trần Công T3, anh Trần Văn Đ, chị Nguyễn Thị Mai T4, chị Trần Thị N, chị Trần Thanh P1, trình bày: Đồng ý theo ý kiến của ông K, không đồng ý di dời nhà theo yêu cầu của ông C.

+ Vợ và các con ông C là bà Nguyễn Thị N, chị Lý Thị Mỹ T, anh Lý Văn T1, anh Lý Thanh P, anh Lý Văn H, anh Lý Văn T2 và chị Lý Thị Tuyết H trình bày: Chỉ nghe ông C nói mua một nền nhà của Nhà nước ngang 4m, dài 16m, không nghe nói chia nửa nền nhà cho ông K nên không đồng ý theo yêu cầu ông K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã xử.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông K tại phiên tòa;

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N;

Hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông Trần Công K với ông Lý Minh C ngày 30/7/1993;

Ông Trần Công K, bà Nguyễn Thị B cùng các con Trần Công T3, Trần Văn Đ, Trần Thanh P2, Trần Thị N, Nguyễn Thị Mai T4 dỡ nhà trả bà Nguyễn Thị N, Lý Thị Mỹ T1, Lý Thanh P, Lý Văn H, Lý Thị Tuyết H1, Lý Văn T, Lý Văn T2 diện tích đất 32m^2, thuộc thửa 525 tờ bản đồ số 2; Theo mảnh trích đo địa chính số 190-2017, ngày 16/8/2017, của Chi nhánh Văn phòng ĐKĐĐ huyện T.

Bà Nguyễn Thị N, chị Lý Thị Mỹ T1, Lý Thanh P, Lý Văn H, Lý Thị Tuyết H1, Lý Văn T, Lý Văn T2 trả hộ ông Trần Công K số tiền 665.056.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành xong.

Bà Nguyễn Thị N, chị Lý Thị Mỹ T1, Lý Thanh P, Lý Văn H, Lý Thị Tuyết H1, Lý Văn T, Lý Văn T2 được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án đối với ông Trần Công K bà Nguyễn Thị B cùng các con Trần Công T3, Trần Văn Đ, Trần Thanh P1, Trần Thị N, Nguyễn Thị Mai T4 dỡ nhà giao đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; quyền và thời hạn kháng cáo; quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/11/2018 bà Nguyễn Thị N, chị Lý Thị Thủy T1, anh Lý Thanh P, anh Lý Văn H, anh Lý Văn T, chị Lý Thị Tuyết H1 và anh Lý Văn T2 kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên kháng cáo của mình, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết của vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông K phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T. Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, chị Lý Thị Mỹ T1, anh Lý Văn T2, anh Lý Thanh P, anh Lý Văn H, anh Lý Văn T và chị Lý Thị Tuyết H1. Về án phí dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông K với ông C theo "Tờ nhượng lại phân nửa nền nhà" ngày 30/7/1993, ông C không thừa nhận chữ ký của mình trong tờ giấy này. Căn cứ vào kết luận số 534/KL-PC54 ngày 29/3/2012 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Đồng Tháp đã kết luận: "*Chữ ký mang tên Lý Minh C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A với chữ ký đứng tên Lý Minh C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 là do một người ký ra*". Điều này chứng minh ông C có chuyển nhượng phân nửa nền nhà cho ông K.

Ông C, bà N không thừa nhận có nhận của ông K số tiền 5.000.000đ. Nhưng theo nội dung "Tờ nhượng lại phân nửa nền nhà" ngày 30/7/1993, không thể hiện việc ông K còn nợ tiền. Mặt khác, trong suốt thời gian ông K cất nhà ở từ năm 1997 đến năm 2011 ông C cũng không đòi tiền và cũng không khởi kiện ông K yêu cầu ông K trả lại đất. Vì vậy, đã có đủ cơ sở xác định ông K đã thanh toán đủ 5.000.000đ cho ông C.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên giữa các đương sự không tuân thủ quy định của pháp luật cả về hình thức và nội dung. Đồng thời, ông K cũng đồng ý hủy hợp đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo "Tờ nhượng lại phân nửa nền nhà" ngày 30/7/1993 vô hiệu là có căn cứ.

Xét về lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu là do ông C có lỗi phần lớn. Bởi vì, khi ông C chuyển nhượng đất cho ông K thì ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, căn cứ vào Công văn số 694/UBND-NC ngày 09/6/2017 của UBND huyện T thì Ủy ban không xem xét việc tách diện tích 32m^2 đối với nền 25, lô K, Khu B chợ T, thửa 525, tờ bản đồ số 12, tại thị Trấn Mỹ An, huyện T. Do việc tách diện tích 32m^2 đối với nền 25, lô K sẽ sai với quy hoạch xây dựng Khu B chợ mới T và trái với Quy định diện tích tối thiểu được tách thửa theo Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND ngày 09/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đối với ông K cũng có lỗi một phần, khi chuyển nhượng đất của ông C thì ông cũng không tìm hiểu xem đất đã được cấp quyền sử dụng chưa, có được phép chuyển nhượng hay không. Vì vậy, ông C lỗi 75%, ông K lỗi 25%.

Xét về thiệt hại, căn cứ vào biên bản định giá 14/6/2019 thì đất có giá 29.690.000đ/m^2. Thiệt hại được tính là: 32m^2 x 29.690.000đ – 5.000.000đ = 945.080.000đ. Do ông Châu lỗi 75% nên những người thừa kế của ông Châu phải bồi thường cho ông K là 945.080.000đ x 75% = 708.810.000đ và trả cho ông Khanh 5.000.000đ tiền ông K chuyển nhượng đất. Tổng cộng 708.810.000đ + 5.000.000đ = 713.810.000đ. Tuy nhiên, do ông K chỉ yêu cầu những người thừa kế của ông Châu trả 70% giá trị đất chuyển nhượng do phần đất này ở phía sau, vị thế buôn bán chỉ đạt 70% so với phần đất của ông C ở phía trước (mặt tiền) với số tiền là : 950.080.000đ x 70% = 665.056.000đ và đồng ý di dời nhà trả lại đất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông K và có lợi cho những người thừa kế của ông C nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận sự tự nguyện này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét việc bà N và các anh chị T1, T2, P, H, H1, T, không đồng ý trả giá trị quyền sử dụng đất cho hộ ông K số tiền 665.056.000đ mà chỉ đồng ý hỗ trợ cho hộ ông K 100.000.000đ là chưa phù hợp như đã phân tích ở trên nên không chấp nhận.

Xét đơn xin miễn tiền án phí của ông K, bà B, anh Đ và chị T4 thuộc trường hợp người cao tuổi và có sổ hộ nghèo nên miễn toàn bộ tiền án phí cho ông bà và các anh chị.

Xét ý kiến của vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T. Không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, chị Lý Thị Mỹ T1, anh Lý Văn T2, anh Lý Thanh P, anh Lý Văn H, anh Lý Văn T và chị Lý Thị Tuyết H1. Về án phí dân sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí và để thuận tiện cho việc thi hành án Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 161, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 127, Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và các anh chị Lý Thị Thủy T1, Lý Văn T2, Lý Thanh P, Lý Văn H, Lý Thị Tuyết H1, Lý Văn T.

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 58/2018/DS-ST ngày 30/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T về phần án phí.

3. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Trần Công K.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

5. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Công K với ông Lý Minh C theo "Tờ nhượng lại phân nửa nền nhà" ngày 30/7/1993 là giao dịch dân sự vô hiệu.

6. Ông Trần Công K, bà Nguyễn Thị B và các anh chị Trần Công T3, Trần Văn Đ, Trần Thanh P, Trần Thị N, Nguyễn Thị Mai T4 phải di dời nhà giao trả cho bà Nguyễn Thị N và các anh chị Lý Thị Mỹ T1, Lý Văn T2, Lý Thanh P, Lý

Văn H, Lý Thị Tuyết H1, Lý Văn T diện tích đất 32m^2, thuộc thửa 525, tờ bản đồ số 2, tại Thị trấn Mỹ An, huyện T trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M1.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 190-2017, ngày 16/8/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T).

7. Buộc bà Nguyễn Thị N và các anh chị Lý Thị Mỹ T1, Lý Văn T2, Lý Thanh P, Lý Văn H, Lý Thị Tuyết H1, Lý Văn T trả cho ông Trần Công K, bà Nguyễn Thị B và các anh chị Trần Công T3, Trần Văn Đ, Trần Thanh P1, Trần Thị N, Nguyễn Thị Mai T4 số tiền 665.056.000đ (Sáu trăm sáu mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

8. Về án phí:

+ Ông Trần Công K được nhận lại 200.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 007935 ngày 15/11/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

+ Các anh chị Trần Công T3, Trần Thanh P1, Trần Thị N liên đới chịu 6.557.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị N và các anh chị Lý Thị Mỹ T1, Lý Văn T2, Lý Thanh P, Lý Văn H, Lý Thị Tuyết H2, Lý Văn T liên đới chịu 15.301.000đ án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0003825 ngày 06/11/2018 và 200.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do ông Lý Minh C đã nộp theo biên lai số 007985 ngày 16/12/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Bà N và các anh chị T1, T2, P, H, H1, Tặng còn phải nộp thêm 15.101.000đ.

9. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

+ Ông Trần Công K chịu 3.321.000đ (Đã nộp xong).

+ Bà Nguyễn Thị N chịu 2.500.000đ (Đã nộp xong).

10. Về chí phí giám định:

Bà Nguyễn Thị N và các anh chị Lý Thị Mỹ T1, Lý Văn T2, Lý Thanh P, Lý Văn H, Lý Thị Tuyết H1, Lý Văn T liên đới chịu chịu 408.000đ (Đã nộp xong (do ông C đã nộp tạm ứng trước).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt